TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 -8- 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa
Bà Nguyễn Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 57/2024/ TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - sinh năm 1989
Cư trú tại: SN B đường T, xóm C, phường L, thị xã B, tỉnh T.
Bị đơn: Anh Vũ A T - sinh năm 1988
Cư trú tại: SN 237 đường T, xóm C, phường L, thị xã B, tỉnh T.
Hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh T
(Chị T, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2024 và bản tự khai nguyên đơn- chị Trương Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Vũ A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh T năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, anh T1 thường xuyên chơi cờ bạc về đánh đập chị. Gần như trách nhiệm kiếm tiền chăm lo nuôi con đều do chị gách vác. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe chị nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai

quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân tám năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ A T2

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Vũ Đức A1 (nam) sinh ngày 06/6/2014. Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Vũ Đức A1 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai anh Vũ A T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trương Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Ngày 06/3/2024 anh bị công an tỉnh T bắt về tội đánh bạc nên đang bị tạm giam. Nay vợ anh làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Vũ Đức A1 (nam) sinh ngày 06/6/2014. Nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Đức A1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2024 ông Phạm Văn X- trưởng thôn C, phường L, thị xã B, tỉnh T cho biết: Chị Trương Thị T và anhn V T là vợ chồng kết hôn khoảng năm 2014. Chị T, anh T cư trú tại tổ A, thôn C, phường L, thị xã B. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Đức A1(nam) sinh ngày 06/6/2014. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T không thấy có mâu thuẫn hay cãi vã xô xát gì, thôn cũng không phải giải quyết tranh chấp đối với trường hợp gia đình chị T, anh T2 Khoảng đầu năm 2014 anh T bị bắt về tội đánh bạc, hiện đang tạm giam tại trại trạm gia công an tỉnh Thanh Hoá.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 22/7/2024 Toà án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải theo thông báo số: 57/TB-TA ngày 16/7/2024, tuy nhiên chị Trương Thị T và anh Vũ A T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải mà đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trương Thị T và anh Vũ A T vắng mặt có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị chị Trương Thị T và anh Vũ A T2

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2, 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị HĐXX giải quyết:

- Về hôn nhân: Xử chị Trương Thị T được ly hôn với anh anh Vũ A T

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ Đức A1 (nam) sinh ngày 06/6/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T3 không yêu cầu.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ A T. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; bị đơn có cư trú tại phường L, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Trương Thị T và anh Vũ A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, gần như trách nhiệm kiếm tiền chăm lo nuôi con đều do chị gách vác. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không nghe, nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã ly thân tám năm nay không ai quan tâm đến ai, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2 Về phía anh T cho rằng, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Ngày 06/3/2024 anh bị Công an tỉnh T bắt về tội đánh bạc nên đang bị tạm giam. Nay vợ anh làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý. HĐXX xét thấy, vợ chồng anh T, chị T đã ly thân 8 năm nay, không ai quan tâm đến ai, anh T1 hiện nay đang bị bắt về tội đánh bạc và đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh T. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T và anh T giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung cháu tên là: Vũ Đức A1 (nam) sinh ngày 06/6/2014 chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu

Đức A2 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng xin được nuôi dưỡng cháu Đức A1 và không đề nghị chị Tcấp d nuôi con chung. HĐXX xét thấy hiện nay anh T đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh T không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đức A1 được, hơn nữa cháu Đức A1 có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung của vợ chồng là cháu Vũ Đức A1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Khoản 2, 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1, mục 1, phần II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Vũ A T2

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Vũ Đức A1 (giới tính: nam) sinh ngày 06/6/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dương, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh T4 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bỉm Sơn ngày 30/5/2024 theo biên lai thu số: 0004558. Như vậy, chị Trương Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Trương Thị T và bị đơn anh Vũ A T.

Chị Trương Thị T và bị đơn anh Vũ A T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND Thị xã Bỉm sơn;*
- *Đương sự;*
- *THA Dân sự TX Bỉm sơn;*
- *UBND phường Lam Sơn (ĐK ngày 12/5/2014);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TỐNG THỊ HÀ